

Số: 897 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 02 năm 2017, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 02 năm 2017

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Ngọc Hải

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2452-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.057.144.267.489	982.213.215.489
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	10.347.757.599	187.437.538.246
1. Tiền	111		10.347.757.599	9.837.538.246
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	177.600.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.406.320.756.832	357.900.947.192
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.160.107.877.866	326.911.323.608
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		263.387.709.165	19.619.542.200
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	56.377.672.054	60.743.619.658
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(73.552.502.253)	(49.373.538.274)
III. Hàng tồn kho	140	9	611.025.291.381	423.015.406.491
1. Hàng tồn kho	141		611.025.291.381	433.946.170.094
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(10.930.763.603)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		29.450.461.677	13.859.323.560
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	6.957.540.901	3.935.879.604
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.948.500.823	7.342.172.413
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	2.544.419.953	2.581.271.543
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		646.223.882.630	766.171.221.938
I. Tài sản cố định	220		497.832.930.083	605.018.101.623
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	489.896.690.272	580.887.597.301
- Nguyên giá	222		1.381.334.133.638	1.384.591.227.161
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(891.437.443.366)	(803.703.629.860)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	7.936.239.811	24.130.504.322
- Nguyên giá	228		10.169.135.751	28.019.135.751
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.232.895.940)	(3.888.631.429)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	14	20.073.010.810	20.023.094.810
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		20.073.010.810	20.023.094.810
III. Tài sản dài hạn khác	260		128.317.941.737	141.130.025.505
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	128.317.941.737	141.130.025.505
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.703.368.150.119	1.748.384.437.427

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.027.254.442.694	1.145.120.842.076
I. Nợ ngắn hạn	310		2.027.254.442.694	1.145.120.842.076
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	521.959.263.296	89.050.216.318
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		48.538.168.143	967.194.868
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	2.624.159.183	5.927.087.968
4. Phải trả người lao động	314		9.083.173.705	14.669.730.476
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	13.201.825.741	15.297.931.234
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	4.862.521.783	7.289.507.253
7. Vay ngắn hạn	320	18	1.425.449.070.662	1.009.850.248.086
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.536.260.181	2.068.925.873
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		676.113.707.425	603.263.595.351
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	676.113.707.425	603.263.595.351
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		492.202.620.000	492.202.620.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		492.202.620.000	492.202.620.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		363.790.000	363.790.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.835.568.717	8.835.568.717
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		173.215.412.737	173.215.412.737
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ) lũy kế	421		1.496.315.971	(71.353.796.103)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(71.353.796.103)	(19.455.918.513)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) lũy kế năm nay	421b		72.850.112.074	(51.897.877.590)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.703.368.150.119	1.748.384.437.427


 Phạm Văn Minh
 Người lập biểu


 Đặng Thị Tuyết Dung
 Kế toán trưởng



 Nguyễn Thanh Hà
 Tổng Giám đốc

Hưng Yên, ngày 15 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	3.773.354.838.762	3.151.285.991.344
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	33.817.493.562	48.581.672.229
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		3.739.537.345.200	3.102.704.319.115
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	3.505.639.709.791	2.946.376.838.639
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		233.897.635.409	156.327.480.476
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1.444.667.117	569.932.877
7. Chi phí tài chính	22	27	62.855.832.118	78.989.692.997
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		54.731.481.774	78.334.830.355
8. Chi phí bán hàng	25		16.867.776.101	53.893.187.909
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		80.654.374.826	74.177.065.721
10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		74.964.319.481	(50.162.533.274)
11. Thu nhập khác	31		16.860.282.506	951.458.369
12. Chi phí khác	32		16.710.754.480	2.686.802.685
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40	28	149.528.026	(1.735.344.316)
14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		75.113.847.507	(51.897.877.590)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	2.263.735.433	-
16. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		72.850.112.074	(51.897.877.590)
17. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.480	(1.054)


Phạm Văn Minh
Người lập biểu


Đặng Thị Tuyết Dung
Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Hà
Tổng Giám đốc

Hưng Yên, ngày 15 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	75.113.847.507	(51.897.877.590)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	94.569.868.958	97.567.203.761
Các khoản dự phòng	03	13.248.200.376	26.497.565.475
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.368.496.870	141.905.319
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.673.839.344)	(569.932.877)
Chi phí lãi vay	06	54.731.481.774	78.334.830.355
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	241.358.056.141	150.073.694.443
Thay đổi các khoản phải thu	09	(1.085.528.761.338)	39.842.240.696
Thay đổi hàng tồn kho	10	(177.079.121.287)	406.087.136.512
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	459.427.420.431	16.457.045.342
Thay đổi chi phí trả trước	12	9.790.422.471	10.058.911.494
Tiền lãi vay đã trả	14	(54.723.982.374)	(80.268.443.188)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	122.727.384	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(153.500.000)	(210.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(606.786.738.572)	542.040.085.299
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(3.400.232.612)	(193.159.113)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	16.860.272.726	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	637.981.230	558.851.767
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	14.098.021.344	365.692.654
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.835.264.705.568	2.691.988.666.907
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.419.665.882.992)	(3.175.582.927.266)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	415.598.822.576	(483.594.260.359)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(177.089.894.652)	58.811.517.594
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	187.437.538.246	128.624.328.196
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	114.005	1.692.456
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	10.347.757.599	187.437.538.246


Phạm Văn Minh
 Người lập biểu


Đặng Thị Tuyết Dung
 Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Hà
 Tổng Giám đốc

Hưng Yên, ngày 15 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này